

BỘ NỘI VỤ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2114 /BNV-CCVC

V/v báo cáo thống kê đội ngũ cán bộ,
công chức, viên chức năm 2021*Hà Nội, ngày 23 tháng 05 năm 2022*

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia Thành phố HCM.

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP¹, Nghị định số 47/2020/NĐ-CP² của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước về dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên trục liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia. Để có số liệu tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Nội vụ đề nghị Quý cơ quan gửi báo cáo bằng văn bản về thống kê đội ngũ công chức, viên chức năm 2021 (kể cả cán bộ, công chức cấp xã) thuộc thẩm quyền quản lý của mình, tính đến thời điểm ngày 31/12/2021, theo các nội dung sau:

1. Đối với báo cáo thống kê số lượng, chất lượng công chức từ cấp huyện trở lên thực hiện theo Biểu số 01 (viết tắt là BM01/BNV) và cán bộ, công chức cấp xã Biểu số 02 (viết tắt là BM02/BNV) ban hành kèm theo Thông tư số 11/2012/TT-BNV³.

2. Đối với báo cáo thống kê số lượng, chất lượng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo Biểu số 03 (viết tắt là BM03-VC/BNV) ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV⁴.

Đề nghị Quý cơ quan khẩn trương gửi báo cáo về Bộ Nội vụ (Vụ Công chức - Viên chức) trước ngày 15/6/2022, số 8 Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội, đồng thời gửi kèm theo file biểu mẫu định dạng theo Microsof Excel 2019 và gửi về địa chỉ Email: duongthanglong@moha.gov.vn.

¹ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025.

² Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

³ Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức.

⁴ Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức.

Xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Trương Hải Long;
- Lưu: VT, CCVC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Hải Long

BM01/BNV

Ban hành kèm theo Thông tư số
11/2012/TT-BNV ngày 17 tháng
12 năm 2012 của Bộ Nội vụ

Thời hạn nhận báo cáo: ngày 15/6

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG CHỨC TỪ
CẤP HUYỆN TRỞ LÊN NĂM 20 . .**

(Áp dụng đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ, Ban, ngành
TW tính đến 31/12 hàng năm)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh/TP
trực thuộc TW, Bộ, Ban, ngành.
Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Nội vụ

Đơn vị tính: người

Số thứ tự	Tên đơn vị	Tổng số biên chế được giao	Tổng số công chức hiện có	Trong đó			Chia theo ngành công chức		Trình độ đào tạo chia theo																		Chia theo độ tuổi															
				Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Chuyên viên cao cấp & TĐ	Chuyên viên chính & TĐ	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên	Chuyên môn					Chính trị			Tin học		Ngoại ngữ			Chứng chỉ tiếng dân tộc	QLNN			Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Tổng số	Nữ từ 51 đến 55	Nam từ 56 đến 60	Trên tuổi nghỉ hưu						
													Tiến Sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Tiếng Anh		Ngoại ngữ khác		Chuyên viên cao cấp và TĐ								Chuyên viên chính và TĐ	Chuyên viên và TĐ				
																									Đại học trở lên		Chứng chỉ (A, B, C)	Đại học trở lên											Chứng chỉ (A, B, C)			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38			

Tổng số:

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký, họ tên)

Ghi chú:

- Cột B (tên đơn vị): ghi danh sách các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, ban, ngành ở TW và ở tỉnh/TP là các sở/ban/ngành, quận/huyện/TP trực thuộc tỉnh;
- Cột 1 (tổng số biên chế được giao): ghi tổng số biên chế được giao của đơn vị báo cáo trực tiếp tính đến thời điểm lập báo cáo;
- Cột 2 (tổng số): ghi tổng số công chức hiện đang công tác tại đơn vị báo cáo trực tiếp;
- Cột 24 (đại học trở lên): ghi những người có trình độ tiếng Anh học Đại học, trên Đại học ở nước ngoài bằng tiếng Anh hoặc có bằng Đại học và trên Đại học ở Việt Nam học bằng tiếng Anh.

..... Ngày... tháng... năm 20..
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

*Ban hành kèm theo Thông tư số
11/2012/TT-BNV ngày 17 tháng
12 năm 2012 của Bộ Nội vụ*

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG
CHỨC CẤP XÃ NĂM 20..**

(Áp dụng đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
Tính đến thời điểm 31/12/ hàng năm)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh/TP trực
thuộc TW.

Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Nội vụ

Thời hạn nhận báo cáo: ngày 15/6

Đơn vị tính: người

[illegible]

Tổng số:

NGƯỜI LẬP BẢNG
(Ký, họ tên)

Ghi chú:

- Cột B (Đơn vị công tác): ghi rõ quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;
- Cột số 6 (chức danh): ghi rõ cán bộ bầu cử kiêm nhiệm chức danh công chức chuyên môn (ví dụ Phó Chủ tịch UBND xã kiêm Trưởng Công an.);
- Cột 38 (Công chức luân chuyển từ cấp huyện): ghi rõ tổng số công chức cấp huyện luân chuyển về xã trong năm báo cáo.

.....Ngày...tháng...năm 20..

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

